

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ



VÕ THỊ DUNG

**QUẢN LÝ THU THUẾ ĐỐI VỚI CÁC DOANH
NGHIỆP KINH DOANH NGÀNH DỊCH VỤ ĂN UỐNG
GIẢI KHÁT TẠI QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ
ĐÀ NẴNG**

TÓM TẮT ĐỀ ÁN THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ

Mã số: 834.04.10

Đà Nẵng - Năm 2025

Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐHQĐHN

Người hướng dẫn KH: TS. Nguyễn Trường Minh

Phản biện 1: TS. Nguyễn Thị Thu Hà

Phản biện 2: PGS. TS. Nguyễn Mậu Dũng

Đề án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Đề án tốt nghiệp Thạc sĩ Quản lý kinh tế họp tại trường Đại học kinh tế, Đại học Đà Nẵng vào ngày 04 tháng 01 năm 2025.

Có thể tìm hiểu đề án tại:

- Trung tâm thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng.
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề án

Tại Việt Nam, hàng năm ngành thuế đóng góp trên 90% số thu ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, các doanh nghiệp lợi dụng sự thông thoáng của Nhà nước và cơ quan thuế để khai sai, khai thiếu, trốn thuế, bán hóa đơn. Ngành dịch vụ ăn uống giải khát là một trong những ngành có tỷ lệ doanh nghiệp bán hóa đơn cao nhất do việc thành lập doanh nghiệp dễ dàng, dễ đưa chi phí tiếp khách vào hạch toán chi phí được trừ khi tính thuế TNDN, được khấu trừ thuế GTGT đầu vào và giá trị hóa đơn dưới 20 triệu đồng nên được sử dụng giao dịch thanh toán tiền mặt.

Đà Nẵng là thành phố với ngành dịch vụ du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn, trong đó quận Hải Châu là quận trung tâm của thành phố với ngành dịch vụ ăn uống giải khát phát triển nhanh chóng. Theo đó, việc mua bán, sử dụng bất hợp pháp hóa đơn trên địa bàn quận diễn ra tràn lan và khó kiểm soát. Vì vậy, tăng cường công tác quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp kinh doanh ngành dịch vụ ăn uống giải khát trên địa bàn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng là cần thiết và cấp bách đó là lý do em chọn đề tài: *“Quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp kinh doanh ngành dịch vụ ăn uống giải khát tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng”* làm đề án thực tập.

2. Mục tiêu của việc xây dựng đề án

2.1. Mục tiêu tổng quát

Mục tiêu nghiên cứu của đề án là nâng cao công tác quản lý thu

thuế đối với các doanh nghiệp ngành dịch vụ ăn uống giải khát tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đảm bảo nguồn thu cho NSNN đồng thời thúc đẩy ngành ăn uống giải khát trên địa bàn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát triển văn minh.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Làm rõ cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý của đề án.
- Phân tích thực trạng, đánh giá kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế trong quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp kinh doanh ăn uống tại quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
- Đề xuất và tổ chức thực hiện các giải pháp quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp kinh doanh ngành dịch vụ ăn uống giải khát trên địa bàn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề án là những vấn đề lí luận và thực tiễn trong công tác quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp kinh doanh ăn uống giải khát tại quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi nội dung nghiên cứu: đề án nghiên cứu công tác quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp kinh doanh ngành dịch vụ ăn uống giải khát theo các nội dung như: Tổ chức bộ máy thu thuế; Lập dự toán thu thuế; Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về thuế; Tổ chức thu thuế; Thanh tra, kiểm tra thuế; Xử lý vi phạm về thuế.

- Phạm vi không gian nghiên cứu: địa bàn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Phạm vi thời gian nghiên cứu: Số liệu thứ cấp được thu thập trong từ năm 2021 đến năm 2023; Số liệu khảo sát thực hiện trong năm 2024, đề xuất giải pháp cho giai đoạn 2024 – 2030.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

- Phương pháp tổng hợp, hệ thống hóa để thu thập dữ liệu thứ cấp: Khai thác dữ liệu trên các chương trình quản lý thuế của ngành thuế, các báo cáo định kỳ, đột xuất và các thông tin khác;

- Phương pháp khảo sát để thu thập dữ liệu sơ cấp: Tác giả tiến hành khảo sát hai nhóm đối tượng là cán bộ, công chức thuế tại cơ quan thuế và các doanh nghiệp kinh doanh ngành dịch vụ ăn uống giải khát trên địa bàn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Thời gian thực hiện gửi Phiếu khảo sát là tháng 9 năm 2024 gồm 50 phiếu đối với cán bộ, công chức thuế và 50 phiếu cho doanh nghiệp.

4.2. Phương pháp phân tích dữ liệu

Sử dụng kết hợp các phương pháp như sau:

+ Phương pháp thống kê mô tả: Thu thập tài liệu, phân tích, tổng hợp, so sánh các chỉ tiêu trên các báo cáo giai đoạn 2021-2023.

+ Phương pháp tổng hợp phân tích: Tổng hợp, kế thừa có chọn lọc các công trình nghiên cứu của một số tác giả có liên quan đến công tác quản lý thuế. Điều tra khảo sát thông qua 02 kênh trực tiếp và trực tuyến (thiết kế mẫu hỏi thông qua Google Forms). Quy đổi thang Likert 5 điểm trên về thang đo đánh giá dưới đây:

| Mức độ quan trọng | Giá trị trung bình |
|--------------------------|---------------------------|
| Hoàn toàn không đồng ý | Từ 1,0 => 1,8 |
| Không đồng ý | Từ 1,8 => 2,6 |
| Trung lập | Từ 2,6 => 3,4 |
| Đồng ý | Từ 3,4 => 4,2 |
| Hoàn toàn đồng ý | Từ 4,2 => 5,0 |

5. Ý nghĩa thực tiễn của đề án

Kết quả nghiên cứu của đề án giúp Lãnh đạo quận Hải Châu, đánh giá được thực trạng công tác quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp kinh doanh ăn uống hiện nay, từ đó nghiên cứu những giải pháp và tổ chức thực hiện nhằm hoàn thiện công tác chống thất thu thuế trên địa bàn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

6. Kết cấu của đề án

Ngoài phần mở đầu, kết luận; danh mục tài liệu tham khảo; danh mục bảng biểu, đề án được thiết kế thành 4 chương như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận và pháp lý của quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp kinh doanh ngành dịch vụ ăn uống giải khát.

Chương 2: Thực trạng quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp kinh doanh ngành dịch vụ ăn uống giải khát tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Chương 3: Giải pháp để thực hiện đề án quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp kinh doanh ngành dịch vụ ăn uống giải khát tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Chương 4: Tổ chức thực hiện.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA QUẢN LÝ THU THUẾ ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KINH DOANH NGÀNH DỊCH VỤ ĂN UỐNG GIẢI KHÁT

1.1. Khái quát về quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp kinh doanh ngành dịch vụ ăn uống giải khát

1.1.1. Các khái niệm cơ bản

1.1.1.1. Thuế

“Thuế là khoản nộp ngân sách nhà nước mang tính nghĩa vụ bắt buộc gắn liền với quyền lực của nhà nước đối với các tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân theo quy định của các luật thuế và thuế không hoàn trả trực tiếp”

1.1.1.2. Thuế đối với các doanh nghiệp kinh doanh ngành dịch vụ ăn uống giải khát

Các doanh nghiệp kinh doanh ngành dịch vụ ăn uống giải khát thì thông thường các loại thuế phải kê khai nộp thuế là thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN.

1.1.1.3. Quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp kinh doanh ngành dịch vụ ăn uống giải khát

Quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp kinh doanh ngành dịch vụ ăn uống giải khát là quá trình các cơ quan quản lý nhà nước sử dụng các công cụ và phương pháp phù hợp tác động đến quá trình thu, nộp thuế của các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực ăn uống giải khát nhằm mục đích thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước

1.1.2. Đặc điểm của quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp kinh doanh ngành dịch vụ ăn uống giải khát

Quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ ăn uống giải khát yêu cầu phải quản lý được các nội dung:

- Quản lý thông tin người nộp thuế: Thông tin cơ bản về Tên DN, MST, địa chỉ kinh doanh, tên người đại diện, tên bảng hiệu,..

- Quản lý căn cứ tính thuế: Doanh thu tính thuế, chi phí, thuế GTGT được khấu trừ, thu nhập tính thuế TNCN,...

- Quản lý nghĩa vụ kê khai và nộp thuế: Các loại thuế phải nộp, thời hạn nộp tờ khai và nộp tiền vào NSNN.

1.2. Các nội dung quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp kinh doanh ngành dịch vụ ăn uống giải khát

1.2.1. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về thu thuế

Tại Việt Nam từ năm 2007 đến nay ngành thuế tổ chức quản lý thuế theo chức năng đối với các doanh nghiệp kinh doanh ngành dịch vụ ăn uống giải khát. Mỗi phòng, đội đều có trách nhiệm và nghĩa vụ trong quá trình quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp kinh doanh ngành dịch vụ ăn uống giải khát.

Tiêu chí đánh giá gồm: Số lượng công chức được phân công về các bộ phận thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến quản lý thu thuế; Chất lượng đội ngũ cán bộ công chức thông qua trình độ chuyên môn nghiệp vụ và công tác đào tạo.

1.2.2. Lập dự toán thu thuế

Hàng năm, cơ quan thuế đều lập dự toán thu thuế chi tiết đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành dịch vụ ăn uống giải khát theo

sắc thuế.

Tiêu chí đánh giá: Thời gian hoàn thành công tác lập dự toán so với kế hoạch được giao; Số thuế lập dự toán/ giao dự toán.

1.2.3. Tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật thuế

Tuyên truyền, phổ biến các chính sách pháp luật thuế nhằm truyền tải thông tin về các văn bản, các chính sách, pháp luật thuế đến với DN bằng những hình thức, biện pháp khác nhau đồng thời giải đáp các vướng mắc để DN hiểu rõ các quy định của pháp luật thuế hiện hành.

Tiêu chí đánh giá: Các hình thức tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật thuế của năm nay so với năm trước liền kề; Số lượt tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật của năm nay so với năm trước liền kề; Số lượt NNT tham dự tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật của năm nay so với năm trước liền kề; Tính kịp thời trong công tác giải đáp vướng mắc cho người nộp thuế: có đơn thư, khiếu nại hay phản ánh của người nộp thuế trong công tác giải đáp vướng mắc; Số lượng văn bản trả lời đúng hạn so với số lượng văn bản phải trả lời.

1.2.4. Tổ chức thu thuế đối với các doanh nghiệp kinh doanh ngành dịch vụ ăn uống giải khát

Trình tự tổ chức thu thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh ăn uống như sau: Đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế và ấn định thuế.

- Đăng ký thuế: Doanh nghiệp nộp tờ khai đăng ký thuế đến cơ quan thuế và được cơ quan thuế cấp một mã số thuế để quản lý.

Tiêu chí đánh giá: Số lượng mã số thuế trả kết quả đúng hạn/

Số lượng mã số thuế được cấp.

- Khai thuế: doanh nghiệp kê khai các số liệu làm căn cứ tính thuế theo các mẫu biểu quy định của Bộ Tài chính và nộp hồ sơ khai thuế đến cơ quan thuế.

Tiêu chí đánh giá: Số lượng tờ khai đã nộp/ số lượng tờ khai phải nộp; Số lượng tờ khai đã nộp đúng hạn/ số lượng tờ khai đã nộp; Số lượng tờ khai đã xử phạt vi phạm/ Số lượng tờ khai nộp trễ.

- Nộp thuế: Căn cứ số liệu đã kê khai, doanh nghiệp nộp tiền thuế bằng phương thức điện tử vào NSNN.

Tiêu chí đánh giá: Số tiền thuế đã nộp vào NSNN/Số tiền thuế phải nộp vào NSNN; Số người nộp thuế thực hiện làm Thư tra soát/Số giấy nộp tiền đã nộp vào NSNN của kỳ kê khai.

- Ấn định thuế: Ấn định thuế là cơ quan thuế thực hiện ấn định số tiền thuế phải nộp vào NSNN do DN vi phạm về thuế.

Tiêu chí đánh giá: Số quyết định ấn định thuế của năm nay so với năm trước; Số thuế ấn định của năm nay so với năm trước.

1.2.5. Thanh tra, kiểm tra thuế

Kiểm tra thuế là quá trình cơ quan thuế thực hiện việc rà soát, giám sát, đối chiếu các dữ liệu trên hồ sơ khai thuế đối với các số liệu trên chứng từ, hồ sơ sổ sách và thực tế kinh doanh của các doanh nghiệp kinh doanh ngành dịch vụ ăn uống giải khát nhằm đảm bảo việc tuân thủ pháp luật thuế của doanh nghiệp.

Tiêu chí đánh giá:

- Kiểm tra tại trụ sở CQT: Số lượng hồ sơ khai thuế đã kiểm tra/ số lượng hồ sơ khai thuế của doanh nghiệp nộp đến cơ quan

thuế; Kết quả điều chỉnh hồ sơ khai thuế của doanh nghiệp sau khi kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế năm này so với năm trước liền kề.

- Kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế: Số quyết định kiểm tra thực hiện/ Số lượng doanh nghiệp theo kế hoạch kiểm tra được giao; Tổng số tiền thuế truy thu, phạt, tiền chậm nộp của tất cả các quyết định xử lý/ Tổng số quyết định xử lý.

1.2.6. Xử lý vi phạm

Xử lý vi phạm pháp luật thuế là việc cơ quan thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các biện pháp xử lý hành chính hoặc hình sự đối với các doanh nghiệp kinh doanh ngành dịch vụ ăn uống giải khát vi phạm pháp luật thuế.

Tiêu chí đánh giá đối với công tác xử lý vi phạm: Số quyết định xử lý sai/Tổng số quyết định ban hành; Số quyết định xử lý đúng thời hạn quy định/Tổng số quyết định ban hành

1.3. Cơ sở pháp lý xây dựng đề án

Luật quản lý thuế, các văn bản luật, nghị định, thông tư hướng dẫn về thuế.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THU THUẾ ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KINH DOANH NGÀNH DỊCH VỤ ĂN UỐNG GIẢI KHÁT TẠI QUẬN HẢI CHÂU, TP. ĐÀ NẴNG

2.1. Đặc điểm của quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên

Quận Hải Châu là quận trung tâm của thành phố Đà Nẵng, khí hậu nhiệt đới gió mùa, ít biến động, có vị trí và cơ sở hạ tầng thuận lợi để phát triển dịch vụ ăn uống.

2.1.2. Đặc điểm kinh tế xã hội

Quận Hải Châu có mật độ dân cư cao, kinh tế phát triển theo định hướng du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn, tỉ lệ lao động qua đào tạo cao, y tế đều phát triển mạnh tạo điều kiện thuận lợi để phát triển ngành dịch vụ ăn uống địa bàn. Ngoài ra, dân cư đông đúc, phức tạp, số lượng DN kinh doanh trên địa bàn lớn gây khó khăn cho công tác quản lý thuế.

2.2. Thực trạng quản lý thu thuế

2.2.1. Thực trạng tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về thu thuế

Chi cục Thuế quận Hải Châu tổ chức quản lý thuế theo chức năng, cơ cấu quản lý thuế chia theo từng đội chức năng: tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế; kê khai-kế toán thuế-tin học; tổng hợp, nghiệp vụ, dự toán; kiểm tra thuế... Mỗi bộ phận thực hiện một khâu trong công tác quản lý thu thuế. Các doanh nghiệp ăn uống rải đều cho tất cả các cán bộ quản lý thuế. Phân chia số lượng công chức giữa các đội chưa phù hợp với nhiệm vụ công việc. Chưa có chế độ

khen thưởng đột xuất cho những cá nhân có thành tích nổi bật.

2.2.2. Thực trạng lập dự toán thu thuế

Dự toán thu thuế đối với các doanh nghiệp ăn uống được lập tổng hợp và chi tiết theo sắc thuế hàng năm. Tuy nhiên, việc lập dự toán chưa thực sự sát với thực tế hoạt động của doanh nghiệp.

2.2.3. Thực trạng tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật thuế

Các hình thức tuyên truyền khá đơn điệu, cơ quan thuế hầu như chỉ quan tâm đến việc giải quyết các vướng mắc của doanh nghiệp, còn việc tuyên truyền, truyền thông ít được chú trọng.

2.2.4. Thực trạng tổ chức thu thuế

- Đăng ký thuế được thực hiện hoàn toàn bằng phương thức điện tử 1 cửa liên thông. DN nộp hồ sơ đăng ký thuế cùng hồ sơ đăng ký kinh doanh tại cơ quan đăng ký kinh doanh. Tuy nhiên, trong hồ sơ đăng ký thuế không có trường “Bảng hiệu” gây khó khăn cho CQT trong quá trình kiểm tra, giám sát.

- Khai thuế: thực hiện hoàn toàn bằng phương thức điện tử. Tỷ lệ DN nộp hồ sơ khai thuế cao. Tuy nhiên, đường truyền của CQT thường gặp sự cố nghẽn mạng vào những thời điểm cao điểm, các mẫu biểu cập nhật trên phần mềm hỗ trợ khai thuế (HTKK) chậm.

- Nộp thuế: thực hiện bằng phương thức điện tử. Có một số trường hợp DN nộp nhằm tiêu mục hay cơ quan quản lý thu nên phải thực hiện điều chỉnh, tra soát gây mất thời gian.

- Ấn định: chưa có trường hợp nào ấn định thuế..

2.2.5. Thực trạng thanh tra, kiểm tra

- Kiểm tra tại trụ sở CQT và kiểm tra tại trụ sở NNT đều

hoàn thành kế hoạch. Tuy nhiên, hiện nay CQT triển khai hóa đơn điện tử nên tăng trách nhiệm cho cán bộ kiểm tra. Kiểm tra tại trụ sở NNT thường kiểm tra những năm cũ nên khó để có dữ liệu đối chiếu, cần sự phối hợp của tổ chức tín dụng, cơ quan chức năng nhưng sự phối hợp không kịp thời và chặt chẽ. DN ăn uống bỏ ngoài đồng thời cả doanh thu và chi phí, gây khó khăn cho công tác kiểm tra.

2.2.6. Thực trạng xử lý vi phạm

- Công tác xử lý vi phạm được thực hiện đúng theo quy định. Một số trường hợp hành vi vi phạm phức tạp liên quan đến nhiều hành vi vi phạm: hóa đơn, khai sai, trốn thuế, cán bộ thuế xác định sai hành vi và xử lý không đúng quy định.

2.3. Đánh giá chung về thực trạng quản lý thu thuế

2.3.1. Những thành công trong công tác quản lý thu thuế

- Số thu ngân sách nhà nước tăng liên tục qua các năm
- Về cơ bản tăng cường ý thức chấp hành pháp luật thuế của doanh nghiệp.

2.3.2. Những hạn chế của quản lý thu thuế

- DN ăn uống chia đều cho tất cả các cán bộ kiểm tra nên gây khó khăn trong công tác quản lý và tổng hợp, báo cáo.
- Chưa có bồi dưỡng, đào tạo chuyên sâu cho cán bộ chuyên về lĩnh vực ăn uống.
- Lập dự toán chưa sát với thực tế hoạt động kinh doanh nên số thực hiện luôn cao hơn số dự toán.
- Chưa chú trọng tuyên truyền những vướng mắc bất cập, các lỗi thường gặp khi thao tác trực tiếp, chưa truyền thông chính

sách pháp luật thuế đến với người đại diện của doanh nghiệp.

- Các hình thức tuyên truyền còn chung chung, nhằm chần, chưa gây ấn tượng đối với DN.

- Thành lập DN khá dễ dàng nên nhiều DN bán hóa đơn xuất hiện, gây khó khăn cho công tác quản lý, mẫu đăng ký thuế không có mục tên bảng hiệu nên CQT quản lý thông tin không đầy đủ

- Đường truyền CQT hay gặp sự cố quá tải vào những ngày cao điểm, các mẫu biểu trên hệ thống hỗ trợ khai thuế cập nhật chậm gây khó khăn cho DN.

- Một số DN nộp sai tiểu mục, sai cơ quan quản lý thu mất thời gian đối chiếu và xử lý.

- Sự phối hợp của các ngân hàng thương mại, các cơ quan ban ngành chưa kịp thời và đầy đủ

- Các DN hầu hết kê khai không đúng doanh thu thực tế, nhiều DN bỏ ngoài doanh thu và chi phí.

- Một số hành vi vi phạm phức tạp cán bộ thuế xác định không đúng hành vi nên xử lý sai.

2.3.3. Nguyên nhân

- Ý thức chấp hành pháp luật thuế của DN chưa cao
- Công chức thuế hạn chế về trình độ, chuyên môn nghiệp vụ
- Chưa ứng dụng triệt để công nghệ thông tin vào công tác quản lý thuế.

- Sự phối hợp của các cơ quan quản lý nhà nước với cơ quan thuế thiếu chặt chẽ.

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN QUẢN LÝ THU THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP DỊCH VỤ ĂN UỐNG GIẢI KHÁT TẠI QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.1. Cơ sở tiền đề cho việc xây dựng đề án

3.1.1. Định hướng phát triển của quận Hải Châu đến năm 2030

Du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn, phát triển mạnh về du lịch kéo theo sự phát triển của ngành ăn uống giải khát.

3.1.2. Kế hoạch cải cách hệ thống thuế đến năm 2030

Ngày càng điện tử hóa, số hóa, đẩy mạnh chống thất thu theo chuyên đề.

3.2. Giải pháp để thực hiện đề án

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện công tác tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về thu thuế

Phân công 2 cán bộ chuyên về quản lý thuế các DN ăn uống

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về chuyên đề ăn uống, tổ chức các lớp đào tạo lý thuyết kết hợp thực hành về kế toán dịch vụ ăn uống.

Điều động luân chuyển cần thực hiện hợp lý, tăng cường công chức cho đội kiểm tra thuế.

3.2.2. Giải pháp hoàn thiện công tác lập dự toán thu thuế

Hoàn thiện, xây dựng cơ sở dữ liệu về DN ăn uống

Thiết lập quy chế trao đổi, phối hợp với Phòng Kinh tế quận Hải Châu để có thông tin lập dự toán sát với thực tế

3.2.3. Giải pháp hoàn thiện công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật thuế

Tập trung giải đáp, hướng dẫn cách xử lý các lỗi thường gặp, xây dựng chatbox trí tuệ nhân tạo (AI) trên trang thuế điện tử

Đa dạng hóa cách thức tuyên truyền bằng việc xây dựng các clip, video hướng dẫn ngắn, các hướng dẫn thực tế về cách tạo tờ khai trên các ứng dụng và gửi đến cơ quan thuế.

Tổ chức các khóa đào tạo trực tuyến định kỳ.

Tổ chức hội nghị mời trực tiếp người đại diện của doanh nghiệp đến trao đổi và truyền thông.

Tuyên truyền chương trình “Hóa đơn may mắn” đến người tiêu dùng hiểu và thực hiện, khuyến khích khách hàng lấy hóa đơn khi sử dụng dịch vụ.

3.2.4. Giải pháp hoàn thiện công tác tổ chức thu thuế

Bổ sung tên bảng hiệu vào hồ sơ đăng ký thuế.

Rà soát kịp thời DN mới thành lập, chuyển ngay cơ quan điều tra khi thấy có dấu hiệu DN ma, thành lập để bán hóa đơn.

Nâng cấp đường truyền để giảm nghẽn mạng vào thời điểm cao điểm nộp hồ sơ khai thuế.

Bổ sung cán bộ cho bộ phận Tin học.

Cập nhật kịp thời các biểu mẫu mới trên ứng dụng hỗ trợ kê khai (HTKK).

Cán bộ kế toán thu và đội quản lý nợ phối hợp chặt chẽ để kịp thời xử lý các trường hợp nộp sai tiểu mục, sai cơ quan quản lý thu, tránh trường hợp tính tiền chậm nộp các khoản thuế đã nộp vào

NSNN nhưng nộp sai nội dung.

Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về ăn uống để có căn cứ thực hiện ấn định thuế về sau.

3.2.5. Giải pháp hoàn thiện công tác thanh tra, kiểm tra thuế

Tăng cường sự phối hợp của các cơ quan ban ngành, tổ chức tín dụng: các ngân hàng để thu thập dữ liệu lịch sử giao dịch của người đại diện pháp luật, vợ/chồng của người đại diện pháp luật, các tổ chức chuyển phát để thu thập thông tin về số lượng và doanh thu khách mua hàng, các doanh nghiệp cung cấp phần mềm kinh doanh cho doanh nghiệp để thu thập lịch sử giao dịch mua bán hàng hóa. Nếu các đơn vị phối hợp không cung cấp thông tin thực hiện xử phạt các DN phối hợp theo quy định.

Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) để phân tích hồ sơ khai thuế, hỗ trợ kiểm tra ban đầu hồ sơ khai thuế của DN.

Bắt buộc sử dụng 100% hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền đối với các doanh nghiệp ăn uống khi đăng ký sử dụng hóa đơn.

3.2.6. Giải pháp hoàn thiện công tác xử lý vi phạm

Thành lập tổ chuyên gia chuyên về quản lý thuế đối với ngành dịch vụ ăn uống giải khát gồm 10 công chức có kiến thức chuyên sâu và bề dày kinh nghiệm.

Tham vấn ý kiến của tổ chuyên gia khi phát sinh những vụ việc phức tạp về hành vi vi phạm, khó xác định hành vi vi phạm của DN để xử lý đúng quy định.

Chuyển cơ quan cảnh sát điều tra các trường hợp có dấu hiệu tội phạm.

CHƯƠNG 4: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Tổ chức thực hiện các giải pháp hoàn thiện công tác tổ chức bộ máy quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ ăn uống giải khát

4.1.1. Phân công nhiệm vụ

Đội trưởng đội Kiểm tra thuế phân công 2 cán bộ chuyên về quản lý thuế các DN ăn uống.

Đội Hành chính – Nhân sự - Tài vụ - Ấn chỉ đề xuất tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về chuyên đề ăn uống, tổ chức các lớp đào tạo lý thuyết kết hợp thực hành về kế toán dịch vụ ăn uống.

Đội Hành chính – Nhân sự - Tài vụ - Ấn chỉ thực hiện tham mưu điều động luân chuyển ăng cường công chức cho đội kiểm tra thuế để đáp ứng yêu cầu công việc ngày càng cao do triển khai hóa đơn toàn ngành thuế.

4.1.2. Lộ trình thực hiện

Triển khai trong ngắn hạn bắt đầu từ tháng 01/2025 đến tháng 12/2025 và tiếp tục tăng cường triển khai quản lý trong dài hạn theo kế hoạch đến cuối năm 2030.

4.1.3. Nguồn lực thực hiện

Nguồn lực con người: cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức công vụ.

Nguồn lực tài chính: Kinh phí được bố trí từ NSNN và các nguồn xã hội hóa, nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Nguồn lực cơ sở vật chất: Trụ sở làm việc tại cơ quan thuế

với hệ thống máy tính, mạng nội bộ, công nghệ thông tin đủ đáp ứng yêu cầu công việc.

Nguồn lực về văn bản pháp luật: Hệ thống văn bản pháp luật chặt chẽ từ Luật, Nghị định, Thông tư và các văn bản hướng dẫn.

4.2. Tổ chức thực hiện các giải pháp hoàn thiện công tác lập dự toán thu thuế

4.2.1. Phân công nhiệm vụ

Đội Kế khai – Kế toán thuế - Tin học hoàn thiện, xây dựng cơ sở dữ liệu về DN ăn uống

Đội Tổng hợp – Nghiệp vụ - Dự toán thiết lập quy chế trao đổi, phối hợp với Phòng Kinh tế quận Hải Châu để có thông tin lập dự toán sát với thực tế.

4.2.2. Lộ trình thực hiện

Triển khai trong ngắn hạn bắt đầu từ tháng 01/2025 đến tháng 12/2025 và tiếp tục tăng cường triển khai quản lý trong dài hạn theo kế hoạch đến cuối năm 2030.

4.2.3. Nguồn lực thực hiện

Nguồn lực con người: cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức công vụ.

Nguồn lực tài chính: Kinh phí được bố trí từ NSNN và các nguồn xã hội hóa, nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Nguồn lực cơ sở vật chất: Trụ sở làm việc tại cơ quan thuế với hệ thống máy tính, mạng nội bộ, công nghệ thông tin đủ đáp ứng yêu cầu công việc.

Nguồn lực về văn bản pháp luật: Hệ thống văn bản pháp luật

chặt chẽ từ Luật, Nghị định, Thông tư và các văn bản hướng dẫn.

4.3. Tổ chức thực hiện các giải pháp hoàn thiện công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật thuế

4.3.1. Phân công nhiệm vụ

Đội Tuyên truyền – Hỗ trợ người nộp thuế tập trung giải đáp, hướng dẫn cách xử lý các lỗi thường gặp, phối hợp với đội Kiểm tra thuế và đội Kế khai – Kế toán thuế - Tin học xây dựng chatbox trí tuệ nhân tạo (AI) trên trang thuế điện tử.

Đội Tuyên truyền – Hỗ trợ người nộp thuế đa dạng hóa cách thức tuyên truyền bằng việc xây dựng các clip, video hướng dẫn ngắn, các hướng dẫn thực tế về cách tạo tờ khai trên các ứng dụng và gửi đến cơ quan thuế.

Đội Tuyên truyền – Hỗ trợ người nộp thuế tổ chức các khóa đào tạo trực tuyến định kỳ.

Đội Tuyên truyền – Hỗ trợ người nộp thuế tổ chức hội nghị mời trực tiếp người đại diện của doanh nghiệp đến trao đổi và truyền thông.

Toàn thể cán bộ công chức của tất cả các đội thuế trong Chi cục Thuế tuyên truyền chương trình “Hóa đơn may mắn” đến người tiêu dùng hiểu và thực hiện, khuyến khích khách hàng lấy hóa đơn khi sử dụng dịch vụ.

4.3.2. Lộ trình thực hiện

Triển khai trong ngắn hạn bắt đầu từ tháng 01/2025 đến tháng 12/2025 và tiếp tục tăng cường triển khai quản lý trong dài hạn theo kế hoạch đến cuối năm 2030.

4.3.3. Nguồn lực thực hiện

Nguồn lực con người: cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức công vụ.

Nguồn lực tài chính: Kinh phí được bố trí từ NSNN và các nguồn xã hội hóa, nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Nguồn lực cơ sở vật chất: Trụ sở làm việc tại cơ quan thuế với hệ thống máy tính, mạng nội bộ, công nghệ thông tin đủ đáp ứng yêu cầu công việc.

Nguồn lực về văn bản pháp luật: Hệ thống văn bản pháp luật chặt chẽ từ Luật, Nghị định, Thông tư và các văn bản hướng dẫn.

4.4. Tổ chức thực hiện các giải pháp hoàn thiện công tác tổ chức thu thuế

4.4.1. Phân công nhiệm vụ

Đội Kế khai – Kế toán thuế - Tin học gửi văn bản đề xuất bổ sung tên bảng hiệu vào hồ sơ đăng ký thuế cho cơ quan đăng ký kinh doanh.

Đội Kế khai – Kế toán thuế - Tin học tiếp nhận thông tin DN, chuyển ngay đội Kiểm tra thuế thực hiện rà soát kịp thời DN mới thành lập, chuyển ngay cơ quan điều tra khi thấy có dấu hiệu DN ma, thành lập để bán hóa đơn.

Đội Kế khai – Kế toán thuế - Tin học đề xuất Cục Công nghệ thông tin của Tổng cục Thuế thực hiện nâng cấp đường truyền để giảm nghẽn mạng vào thời điểm cao điểm nộp hồ sơ khai thuế.

Đội Kế khai – Kế toán thuế - Tin học đề xuất bổ sung cán bộ cho bộ phận Tin học, đội Hành chính – Nhân sự - Tài vụ - Ấn chỉ

tham mưu cho lãnh đạo cơ quan.

Đội Kế khai – Kế toán thuế - Tin học đề xuất cập nhật kịp thời các biểu mẫu mới trên ứng dụng hỗ trợ kê khai (HTKK).

Cán bộ kế toán thu của đội Kế khai – Kế toán thuế - Tin học và đội Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế phối hợp chặt chẽ để kịp thời xử lý các trường hợp nộp sai tiêu mục, sai cơ quan quản lý thu, tránh trường hợp tính tiền chậm nộp các khoản thuế đã nộp vào NSNN nhưng nộp sai nội dung.

Đội Kế khai – Kế toán thuế - Tin học phối hợp với đội Kiểm tra thuế xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về ăn uống để có căn cứ thực hiện ấn định thuế về sau.

4.4.2. Lộ trình thực hiện

Triển khai trong ngắn hạn bắt đầu từ tháng 01/2025 đến tháng 12/2025 và tiếp tục tăng cường triển khai quản lý trong dài hạn theo kế hoạch đến cuối năm 2030.

4.4.3. Nguồn lực thực hiện

Nguồn lực con người: cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức công vụ.

Nguồn lực tài chính: Kinh phí được bố trí từ NSNN và các nguồn xã hội hóa, nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Nguồn lực cơ sở vật chất: Trụ sở làm việc tại cơ quan thuế với hệ thống máy tính, mạng nội bộ, công nghệ thông tin đủ đáp ứng yêu cầu công việc.

Nguồn lực về văn bản pháp luật: Hệ thống văn bản pháp luật chặt chẽ từ Luật, Nghị định, Thông tư và các văn bản hướng dẫn.

4.5. Tổ chức thực hiện các giải pháp hoàn thiện công tác thanh tra, kiểm tra

4.5.1. Phân công nhiệm vụ

Đội Kiểm tra thuế tăng cường sự phối hợp của các cơ quan ban ngành, tổ chức tín dụng: các ngân hàng để thu thập dữ liệu lịch sử giao dịch của người đại diện pháp luật, vợ/chồng của người đại diện pháp luật, các tổ chức chuyển phát để thu thập thông tin về số lượng và doanh thu khách mua hàng, các doanh nghiệp cung cấp phần mềm kinh doanh cho doanh nghiệp để thu thập lịch sử giao dịch mua bán hàng hóa. Nếu các đơn vị phối hợp không cung cấp thông tin thực hiện xử phạt các DN phối hợp theo quy định.

Đội Kiểm tra thuế phối hợp đội Kế toán thuế - Tin học đề xuất đến Cục Công nghệ thông tin của Tổng cục Thuế ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) cho việc phân tích hồ sơ khai thuế, hỗ trợ kiểm tra ban đầu các hồ sơ khai thuế của DN.

Đội Kiểm tra thuế phối hợp với bộ phận Ấn chỉ của cơ quan thuế bắt buộc sử dụng 100% hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền đối với các doanh nghiệp ăn uống khi đăng ký sử dụng hóa đơn.

4.5.2. Lộ trình thực hiện

Triển khai trong ngắn hạn bắt đầu từ tháng 01/2025 đến tháng 12/2025 và tiếp tục tăng cường triển khai quản lý trong dài hạn theo kế hoạch đến cuối năm 2030.

4.5.3. Nguồn lực thực hiện

Nguồn lực con người: cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức công vụ.

Nguồn lực tài chính: Kinh phí được bố trí từ NSNN và các nguồn xã hội hóa, nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Nguồn lực cơ sở vật chất: Trụ sở làm việc tại cơ quan thuế với hệ thống máy tính, mạng nội bộ, công nghệ thông tin đủ đáp ứng yêu cầu công việc.

Nguồn lực về văn bản pháp luật: Hệ thống văn bản pháp luật chặt chẽ từ Luật, Nghị định, Thông tư và các văn bản hướng dẫn.

4.6. Tổ chức thực hiện các giải pháp hoàn thiện công tác xử lý vi phạm

4.6.1. Phân công nhiệm vụ

Đội Hành chính – Nhân sự - Tài vụ - Ấn chỉ tham mưu lãnh đạo cơ quan thành lập tổ chuyên gia chuyên về quản lý thuế đối với ngành dịch vụ ăn uống giải khát gồm 10 công chức có kiến thức chuyên sâu và bề dày kinh nghiệm.

Đội Kiểm tra thuế thực hiện tham vấn ý kiến của tổ chuyên gia khi phát sinh những vụ việc phức tạp về hành vi vi phạm, khó xác định hành vi vi phạm của DN để xử lý đúng quy định.

Đội Kiểm tra thuế chuyển cơ quan cảnh sát điều tra các trường hợp có dấu hiệu tội phạm.

4.6.2. Lộ trình thực hiện

Triển khai trong ngắn hạn bắt đầu từ tháng 01/2025 đến tháng 12/2025 và tiếp tục tăng cường triển khai quản lý trong dài hạn theo kế hoạch đến cuối năm 2030.

4.6.3. Nguồn lực thực hiện

Nguồn lực con người: cán bộ, công chức có trình độ chuyên

môn nghiệp vụ, đạo đức công vụ.

Nguồn lực tài chính: Kinh phí được bố trí từ NSNN và các nguồn xã hội hóa, nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Nguồn lực cơ sở vật chất: Trụ sở làm việc tại cơ quan thuế với hệ thống máy tính, mạng nội bộ, công nghệ thông tin đủ đáp ứng yêu cầu công việc.

Nguồn lực về văn bản pháp luật: Hệ thống văn bản pháp luật chặt chẽ từ Luật, Nghị định, Thông tư và các văn bản hướng dẫn.